TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/HS-ST
Ngày: 14/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Vân và ông Phạm Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần Văn Đ, sinh năm 1980 tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn S (tên gọi khác là Trần Văn G) và bà Nguyễn Thị C (đã chết); có vợ là Đào Thị T, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Ngày 29/6/2006, Tòa án nhân dân Quận 7, thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/3/2024 đến ngày 29/3/2024 chuyển tạm giam đến nay; có mặt.

- *Bị hại:*

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955; nơi cư trú: Thôn A, xã Đ huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Ông Bùi Đình Q, sinh năm 1945; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1954; nơi cư trú: T, xã N, huyện Lý N, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị T: ông Bùi Đình Q - đồng bị hại trong vụ án; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Đào Thị T2, sinh năm 1978; nơi đưng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: TDP T, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Phạm Văn N1; vắng mặt.

+ Anh Lê Trung K; vắng mặt.

+ Anh Hoàng Minh N2; vắng mặt.

+ Chị Đỗ Thị H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản để lấy tiền tiêu sài nên Trần Văn Đ nói dối mình là nhân viên của Công ty xây dựng X; Đ tìm những người biết cúng lễ đã cao tuổi và nói dối với họ là Công ty đang có nhu cầu làm lễ, chuyển mộ để thi công công trình xây dựng và mời họ về làm lễ cho Công ty nhằm tạo lòng tin sau đó vay tiền để chiếm đoạt. Với thủ đoạn trên, Trần Văn Đ đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

* Lần thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 26/6/2023, Trần Văn Đ điều khiển xe môtô Air Blade, biển kiểm soát 18K1-386.04 đến địa phận xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam hỏi người dân xem có ai làm nghề cúng lễ không thì được giới thiệu và cho số điện thoại của bà Nguyễn Thị L. Đ sử dụng số điện thoại 09XX của mình gọi vào số điện thoại 09xx của bà L thì được bà L chỉ đường đến nhà. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Đ đến nhà bà L nói dối là mình đang làm việc cho Công ty xây dựng X đang thi công tại công trình Bệnh viện B muốn nhờ bà L cúng lễ động thổ, bà L tin là thật nên đồng ý. Đ lấy tờ giấy danh sách giám đốc và nhân viên mang tên "Công ty xây dựng X" đã chuẩn bị từ trước đưa cho bà L để bà L viết giấy sớ. Sau đó Đ lấy điện thoại di động ra giả vờ nghe cuộc điện thoại gọi đến, đồng thời cố ý nói to để bà L nghe thấy việc xe ôtô của Công ty đang bị Cảnh sát giao thông bắt ở cầu Thái Hà, cần tiền nộp phạt. Đ nói trong ví chỉ còn 2.000.000 đồng không đủ để nộp phạt và hỏi vay tiền bà L. Tin tưởng Đ nói thật nên bà L đã lấy số tiền 2.000.000 đồng cho Đ vay. Thấy vậy, Đ tiếp tục giả vờ nghe điện thoại nhiều lần nói về việc bắt xe cần thêm tiền nộp phạt. Bà L đã cho Đ vay tổng số tiền là 12.000.000 đồng. Đ cầm tiền, hẹn bà L ngày hôm sau sẽ đến trả lại tiền và đón bà L đi cúng lễ động thổ đồng thời ra xe môtô lấy hộp bìa cát tông mang theo gửi lại nhà bà L và nói đây là đồ lễ, gửi lại sáng mai đến đón bà L thì mang đi. Sau khi chiếm đoạt được tiền của bà L, Đ cắt liên lạc bằng điện thoại với bà L và cầm tiền đi tiêu sài cá nhân hết mà không quay lại trả cho bà L như đã hẹn.

Biết mình bị lừa nên bà L đã trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B và giao nộp 01 tờ giấy A4 có ghi chữ "Công ty xây dựng X"; 02 ảnh có kích thước (10 x 6,8) cm; 01 thùng cát tông kích thước (34 x 21 x 30) cm bên trong có một chiếc áo len màu hồng, một áo nỉ màu hồng và 10 mảnh ngói vỡ màu đỏ.

* Lần thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 12/3/2024, Trần Văn Đ điều khiển xe môtô Honda Air Blade biển kiểm soát 18K1-386.04 đi đến địa phận xã N, huyện L và hỏi người dân trên địa bàn có ai biết cúng lễ và di chuyển mộ thì được giới thiệu và chỉ đường đến nhà ông Bùi Đình Q. Khi đến nhà ông Q, Đ nói dối với ông Q và bà Đỗ Thị T1 (vợ ông Q) mình tên là Trần Văn T, sinh năm 1977, nhà ở thành phố P tỉnh Hà Nam hiện là giám sát thi công của "Công ty xây dựng X" đang thi công ở Khu công nghiệp Thái Hà, huyện L cần thuê người làm lễ và di chuyển mộ. Sau khi thỏa thuận về giá chuyển mộ, Đ lấy ra một hợp đồng có nội dung "Công ty xây dựng X - Hợp đồng chuyển mộ" đã chuẩn bị từ trước đưa cho ông Q ký, còn Đ ký và ghi họ tên là Trần Văn T. Ký hợp đồng xong, Đ lấy điện thoại di động ra giả vờ nghe điện thoại và nói to để cho vợ chồng ông Q nghe thấy việc có người bạn đang bị Cảnh sát giao thông bắt xe ôtô bên cầu Hưng Hà cần tiền để nộp phạt và hỏi vay vợ chồng ông Q số tiền 1.000.000 đồng để nộp phạt lấy xe cho bạn. Do tin tưởng, ông Q đồng ý cho Đ vay 1.000.000 đồng. Thấy vậy, Đ tiếp tục giả vờ nghe điện thoại và nói với vợ chồng ông Q về vấn đề bạn bị bắt xe cần thêm tiền để nộp phạt và tiếp tục hỏi vay thêm tiền. Ông Q và bà T1 đã cho Đ vay tổng số tiền là 5.000.000 đồng. Đ cầm tiền rồi gửi lại nhà ông Q một túi nilong màu đỏ, bên trong có một thùng bìa cát tông đựng cát, gạch và nói *"Cho cháu gửi lại gói hàng ở đây, tý cháu quay lại lấy và trả tiền"*. Đ cầm tiền đi tiêu sài cá nhân và không quay lại trả tiền như đã nói với vợ chồng ông Q, bà T1. Biết mình bị lừa nên ông Bùi Đình Q đã trình báo sự việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lý Nhân và giao nộp 01 tờ giấy A4 có ghi chữ "Công ty xây dựng X - Hợp đồng chuyển mộ"; 01 ảnh, kích thước (21 x 14) cm, 01 thùng cát tông kích thước.

Căn cứ các tài liệu điều tra, xác minh đã thu thập, ngày 23/3/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lý Nhân tiến hành triệu tập, đấu tranh đối với Trần Văn Đ để làm rõ. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lý Nhân, Trần Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Cùng ngày 23/3/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lý Nhân đã thi hành Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Văn Đ và thu giữ của Trần Văn Đ số tiền 2.170.000 đồng; 32 tờ giấy A4 có ghi các chữ "Công ty xây dựng X, Công ty xây dựng Xuân Trường, Hợp đồng chuyển mộ"; 01 điện thoại di động Nokia, số seri 359952647753671, bên trong lắp sim số 09xx; 01 điện thoại di động Samsung, số imei 357368580162345/01; 01 xe môtô Honda Air Blade biển kiểm soát 18K1-386.04; 01 mũ bảo hiểm màu đen có chữ "Royal" và 01 áo khoác màu đen.

Ngày 24/3/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Lý Nhân thực hiện Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn Đ tại thôn Cg, xã B, huyện Lý Nhân. Quá trình khám xét không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Trần Văn Đ đã nhờ anh Nguyễn Văn T3 bồi thường, khắc phục hậu quả cho vợ chồng ông Bùi Đình Q số tiền 5.000.000 đồng, cho bà Nguyễn Thị L số tiền 12.000.000 đồng. Ông Q bà L đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự.

Về vật chứng vụ án: 01 Chiếc xe môtô Honda Air Blade biển kiểm soát 18K1-386.04; 01 chiếc điện thoại di động Nokia, 01 chiếc điện thoại di động Samsung, 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đen có chữ "Royal", 01 áo khoác màu đen; số tiền 2.170.000 đồng; 01 thùng cát tông kích thước (22 x 23,5 x 24,5)cm, 01 thùng cát tông kích thước (34 x 21 x 30)cm bên trong có một chiếc áo len màu hồng, một áo nỉ màu hồng và 10 mảnh ngói vỡ màu đỏ. Tất cả đều được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân.

Đối với 34 tờ giấy A4 có ghi các chữ "Công ty xây dựng X, Công ty xây dựng X, Hợp đồng chuyển mộ"; 01 ảnh, kích thước (21 x 14)cm và 02 ảnh có kích thước (10 x 6,8)cm được lưu trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra: Trần Văn Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện.

Tại bản cáo trạng số 55/CT-VKSLN ngày 03/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, truy tố Trần Văn Đ về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Trần Văn Đ từ 21 tháng tù đến 27 tháng tù. Phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với bị cáo. Tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước 01 Chiếc xe môtô Honda Air Blade biển kiểm soát 18K1-386.04; 01 chiếc điện thoại di động Nokia; trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động Samsung và số tiền số tiền 2.170.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án; tịch thu và tiêu huỷ: 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đen có chữ "Royal", 01 áo khoác màu đen, 01 thùng cát tông kích thước (22 x 23,5 x 24,5)cm và 01 thùng cát tông kích thước (34 x 21 x 30)cm bên trong có một chiếc áo len màu hồng, một áo nỉ màu hồng và 10 mảnh ngói vỡ màu đỏ; các vật chứng khác lưu hồ sơ vụ án.

Anh Nguyễn Văn T3 xác định: Anh T3 và bị cáo có mối quan hệ họ hàng, anh T3 được bị cáo nhờ trả cho bà L 12.000.000 đồng, trả vợ chồng ông Q, bà T1 5.000.000 đồng. Anh T3 đã giúp bị cáo trả đủ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt cho

các bị hại để khắc phụ hậu quả. Anh T3 không có yêu cầu đề nghị gì đối với bị cáo.

Bị cáo Trần Văn Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân đã truy tố; không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, bị cáo xin được nhận lại 01 chiếc điện thoại Samsung và số tiền 2.170.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, khách quan.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên toà nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu được và các tài liệu, chứng cứ khác lưu trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đủ cơ sở kết luận: Để có tiền tiêu sài cá nhân, Trần Văn Đ đã dùng thủ đoạn gian dối 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Cụ thể như sau:

* Lần thứ nhất: Khoảng 15 giờ ngày 26/6/2023, tại thôn A2, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam, Trần Văn Đ đã dùng thủ đoạn gian dối, giả mạo là nhân viên của Công ty xây dựng X có nhu cầu tìm người cúng lễ, chuyển mộ để tiếp cận, tạo lòng tin với bà Nguyễn Thị L, đưa ra thông tin không có thật để vay tiền rồi chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị L số tiền 12.000.000 đồng.

* Lần thứ hai: Cũng với thủ đoạn gian dối như trên, khoảng 09 giờ ngày 12/3/2024, tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; Trần Văn Đ đã chiếm đoạt của vợ chồng ông Bùi Đình Q và bà Đỗ Thị T1 số tiền 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà Trần Văn Đ hai lần thực hiện hành vi gian dối và chiếm đoạt là 17.000.000 đồng *(mười bảy triệu đồng).*

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Văn Đ đã phạm vào tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản",* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ

luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo là có căn cứ đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về nhân thân:* Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* nhưng đã được xóa án tích.

- *Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo hai lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm và chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *"Phạm tội hai lần trở lên"*, bị cáo có mục đích tìm những người cao tuổi để lừa đảo và thực tế bị cáo đã lừa của ông Q (trên 70 tuổi) nên bị cáo phải chịu tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *là"Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên"* - Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà bị cáo phải chịu theo quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, đồng thời thể hiện sự ăn năn hối cải trước pháp luật; bị cáo nhờ người thân bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện bị cáo đang phải chăm sóc bố đẻ già yếu - Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và làm ảnh hưởng rất xấu tới tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xem xét yếu tố nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm hoà nhập cộng đồng xã hội, đồng thời cũng thấy được tính nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại Điều 35 và khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tài sản nên cần giảm một phần hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tiền bồi thường không yêu cầu bồi thường thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên không phải giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe môtô Honda Air Blade, biển kiểm soát 18K1-386.04; 01chiếc điện thoại di động Nokia, bên trong lắp sim số 0984.742.884 là tài sản

hợp pháp của Trần Văn Đ, Trần Văn Đ sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Samsung, số imei 357368580162345/01 là tài sản hợp pháp của Trần Văn Đ, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại bị cáo.

Đối với số tiền 2.170.000 đồng thu giữ của bị cáo, vì bị cáo đã nhờ anh T3 bồi thường và khắc phục toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, các bị hại không có yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên trả lại cho bị cáo.

Các tài sản trả lại cho bị cáo được tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án dân sự.

Đối với 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đen có chữ "Royal"; 01 áo khoác màu đen; 01 thùng cát tông kích thước (22 x 23,5 x 24,5)cm và 01 thùng cát tông kích thước (34 x 21 x 30)cm bên trong có một chiếc áo len màu hồng, một áo nỉ màu hồng; 10 mảnh ngói vỡ màu đỏ là đồ vật Trần Văn Đ sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu và tiêu huỷ.

Đối với 34 tờ giấy A4 có ghi các chữ "Công ty xây dựng X, Công ty xây dựng X" Hợp đồng chuyển mộ; 01 ảnh, kích thước (21 x 14)cm và 02 ảnh có kích thước (10 x 6,8)cm là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, được lưu trong hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Về các vấn đề khác:

Chị Đào Thị T2 là vợ của bị cáo, chị T2 xác định vợ chồng chị không có tài sản chung và đã sống ly thân từ năm 2015, chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 18K1-386.04 mà bị cáo đã sử dụng làm phương tiện đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản không phải tài sản của chị. Chị T2 không có yêu cầu đề nghị gì về việc giải quyết đối với chiếc xe mô tô này nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Đ phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Đ 27 *(Hai mươi bảy)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/3/2024.

2. Hình phạt bổ sung: Căn cứ Điều 35; khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự. Phạt tiền bị cáo Trần Văn Đ 5.000.000 *(Năm triệu)* đồng nộp ngân sách Nhà nước.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 *(một)* xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 18K1-386.04, màu sơn đỏ - đen; số khung RLHJF2705BY786175; số máy JF27E-0882288.

+ 01 *(một)* chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số seri 1: 359952647753671, seri 2: 359952647753689; bên trong lắp sim điện thoại số 09xx.

- Trả lại bị cáo Trần Văn Đ: 01 *(một)* chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng, số Imei 1: 357368580162345/01, imei 2: 357497680162341/01 và số tiền 2.170.000 đồng *(Hai triệu một trăm bảy mươi chín nghìn)* đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án dân sự.

- Tịch thu và tiêu huỷ: 01 *(một)* chiếc áo, loại áo khoác, màu đen, trên áo có chữ "ADIDAS"; 01 *(một)* mũ bảo hiểm màu đen trên mũ có dòng chữ "Royal"; 01 *(một)* thùng bìa cát tông trên các mặt thùng có nhiều chữ và số tự nhiên như SĐT 0984.742.844; 0918.418.944; 01 *(một)* thùng bìa cát tông màu nâu bên trong có 01 áo nỉ màu hồng đã cũ, dài 57cm; 01 áo len dài tay màu hồng đã cũ dài 55cm,10 mảnh ngói vỡ màu đỏ.

Lưu theo hồ sơ vụ án 34 tờ giấy A4 có ghi các chữ "Công ty xây dựng X, Công ty xây dựng X, Hợp đồng chuyển mộ"; 01 ảnh, kích thước (21 x 14)cm và 02 ảnh có kích thước (10 x 6,8)cm.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lý Nhân với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân ngày 05/7/2024 và ủy nhiệm chi số 12 ngày 04/7/2024).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt phiên

toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tối Cao (Vụ GĐKT I);
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Trại giam CA tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA hình sự - Công an huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- Bị cáo; bị hại; đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hân